TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HN&GĐ-ST
Ngày 22-12-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tuyên và bà Hồ Thị Thu Uyển

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Lâm Oanh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng cơ sở 02 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2025/TLST-HN&GĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng của Tòa án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh ngày 10/4/1992; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh ngày 10/9/1981; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ngày 13/9/2010, chị Cao Thị T và anh Bùi Văn Đ đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (cũ), quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và xây dựng gia đình, từ đầu năm 2025 đến nay vợ chồng sống ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ. Về nuôi con chung: Chị T và anh Đ có 03 con chung là cháu Bùi Nữ Thùy T1, sinh ngày 19/01/2010, cháu Bùi Tuấn T2,

sinh ngày 09/02/2011 và cháu Bùi Nữ Quỳnh T3, sinh ngày 13/9/2018. Chị T và anh Đ thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Bùi Nữ Thùy T1, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Bùi Nữ Quỳnh T3, sinh ngày 13/9/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành; giao con chung cháu Bùi Tuấn T2, sinh ngày 09/02/2011 cho anh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Anh chị có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Anh Bùi Văn Đ không đồng ý ly hôn với chị Cao Thị T nhưng thỏa thuận được việc nuôi con chung như trình bày của chị T. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 31/10/2025, chị Cao Thị T và anh Bùi Văn Đ không thống nhất được quan hệ hôn nhân nhưng tự nguyện thỏa thuận đề nghị Tòa án giao 02 con chung là cháu Bùi Nữ Thùy T1, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Bùi Nữ Quỳnh T3, sinh ngày 13/9/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành; giao con chung cháu Bùi Tuấn T2, sinh ngày 09/02/2011 cho anh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Anh Bùi Văn Đ và chị Cao Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định. Về nội dung: Sau khi đánh giá, phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Cao Thị T ly hôn bị đơn anh Bùi Văn Đ.Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Bùi Nữ Thùy T1, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Bùi Nữ Quỳnh T3, sinh ngày 13/9/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung cháu Bùi Tuấn T2, sinh ngày 09/02/2011 cho anh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trú tại thôn X, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

[1.3]. Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử mở phiên tòa giải quyết vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 13/9/2010, chị Cao Thị T và anh Bùi Văn Đ đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (cũ), quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và xây dựng gia đình, từ đầu năm 2025 vợ chồng ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2]. Về con chung: Tại phiên hòa giải ngày 31/10/2025, chị Cao Thị T và anh Bùi Văn Đ tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung là cháu Bùi Nữ Thùy T1, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Bùi Nữ Quỳnh T3, sinh ngày 13/9/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao con chung cháu Bùi Tuấn T2, sinh ngày 09/02/2011 cho anh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp và để đảm bảo quyền lợi cho các con chung được phát triển ổn định và đầy đủ, Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận này của các đương sự (mặc dù cháu T2 có nguyện vọng ở với mẹ và cháu T3 có nguyện vọng ở với ba sau khi ba mẹ ly hôn). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét là đúng quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Cao Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 213, 235, 238 và 246; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị T, cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Cao Thị T ly hôn bị đơn anh Bùi Văn Đ.

1.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể: Giao 02 con chung cháu Bùi Nữ Thùy T1, sinh ngày 19/01/2010 và cháu Bùi Nữ Quỳnh T3, sinh ngày 13/9/2018 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giao 01 con chung cháu Bùi Tuấn T2, sinh ngày 09/02/2011 cho anh Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết (do các đương sự không có yêu cầu).

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Cao Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0006301 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 8-Lâm Đồng;
- UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thị Diễm My